TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-PT
Ngày: 29-5-2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚCCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ÔngNguyễn Trung Hưng

Các Thẩm phán: Ông Ngô Thanh Sỹ

Ông Vũ Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai*:** Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2025/TLPT-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 475/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 26/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thỳ T, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai – vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Bà Nguyễn Thị Hồng T1, sinh năm 1994 và bà Trần Thị Cẩm H, sinh năm 1997.
Cùng địa chỉ: Khu phố B, phường Q, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh S, sinh năm 1985.
Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai – có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Bà Lê Ngọc M, sinh năm 1964.
Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

3. Người kháng cáo: Ông Nguyễn Minh Sang - Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm:

** Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thỳ T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh S tự nguyên kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến gia đình luôn căng thẳng. Bà thừa nhận có quan hệ ngoại tình với người khác như ông S trình bày. Tuy nhiên nguyên nhân ngoại tình là do tình cảm với chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc. Hiện vợ chồng bà đã sống ly thân từ cuối năm 2021 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và không còn khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh S.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 06/11/2017. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Minh Q và không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 28/6/2024 và văn bản bổ sung bằng chứng ngoại tình ngày 15/7/2024 bị đơn ông Nguyễn Minh S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Nguyễn Thị Thỳ T tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai năm 2017, có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 06/11/2017. Trong thời kỳ hôn nhân giữa ông và bà T, bà T đã có quan hệ ngoại tình với người khác và bỏ nhà đi từ tháng 10/2021. Trong thời gian bà T bỏ đi, bà không về thăm con, làm cho tinh thần cháu sa sút vì nhớ mẹ vì vậy hai năm qua ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe của cháu. Vì vậy thời gian này ông không muốn ly hôn, xin Tòa án gia hạn cho ông thêm một năm để cháu Q cứng cáp hơn và để cho gia đình động viên chăm sóc, động viên tinh thần cháu ổn định.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 475/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã áp dụng các Điều 8, 9, 51, 71, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/HĐTP-TANDTC ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thỳ T, cho bà Nguyễn Thị Thỳ T được ly hôn ông Nguyễn Minh S. Giao con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 06/11/2017 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời ông S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét. Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tại Đơn kháng cáo đề ngày 06/01/2025, ông Nguyễn Minh S đề nghị sửa bản án sơ thẩm như sau: Gia hạn ly hôn 01 năm để con chung ổn định tâm lý và tâm tư tình cảm; giao cháu Nguyễn Minh Q cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi cháu Q trưởng thành.

Tại Đơn thay đổi nội dung kháng cáo đề ngày 11/5/2025 và tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Minh S xác định yêu cầu kháng cáo như sau: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng giao con chung là cháu Nguyễn Minh Q cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng, bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 6/2025 cho đến khi trưởng thành.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự tham gia phiên tòa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định.

Về kháng cáo:

- Quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh S và bà Nguyễn Thị Thỳ T xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống xảy mâu thuẫn, bà T xin ly hôn ông S, được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết theo quy định.

- Con chung của ông Nguyễn Minh S với bà T là cháu Nguyễn Minh Q hiện do ông S trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Q có nguyện vọng được ở với ông S. Ông S có chỗ ở và thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng con. Bà T cũng đồng ý giao con chung cho ông S nuôi dưỡng và cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ theo yêu cầu kháng cáo của ông S. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông S, sửa một phần bản án sơ thẩm về giải quyết nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Nguyễn Minh S gửi đơn kháng cáo và thực hiện nghĩa vụ nộp tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thỳ T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh S và bà Nguyễn Thị Thỳ T xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp, cấp sơ thẩm giải quyết tranh chấp ly hôn theo quy định.

[2.2] Về con chung: Ông S và bà T có một con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 06/11/2017. Theo các tài liệu, chứng cứ thu thập được tại giai đoạn phúc thẩm thể hiện: Cháu Q hiện do ông S trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng được ở với ông S; tại văn bản trình bày ý kiến đề ngày 12/5/2025, bà T đồng ý giao cháu Q cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng; ông S cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của ông S, giao cháu Q cho ông S trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 58, khoản 1 và khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi cháu Q mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 6/2025 cho đến khi cháu Q thành niên (tròn 18 tuổi) có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Xét việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Tại văn bản trình bày ý kiến của bà T đề ngày 12/5/2025 nêu trên, bà T đồng ý với yêu cầu của ông S nên có nghĩa vụ phải thực hiện.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, bà T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2.4] Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết ông S và bà T được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về án phí, đương sự phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

[3.1] Án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, 300.000đ án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông S không phải chịu. Hoàn trả ông S tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 và Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Minh S, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 475/2024/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Áp dụng các Điều 8, 9, 51, 71, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2024/HĐTP-TANDTC ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thỳ T đối với bị đơn ông Nguyễn Minh S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thỳ T được ly hôn ông Nguyễn Minh S.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Minh S và bà Nguyễn Thị Thỳ T có một con chung là cháu Nguyễn Minh Q, sinh ngày 06/11/2017. Giao cháu Nguyễn Minh Q cho ông Nguyễn Minh S trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng.

2.1. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thùy T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) kể từ tháng 6/2025 đến khi con chung thành niên (tròn 18 tuổi) có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân. Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, bà T còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.2.Bà Nguyễn Thị Thỳ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4.Về án phí:

4.1. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thỳ T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí do có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004069 ngày 03/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, bà Nguyễn Thị Thỳ T còn phải nộp tiếp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4.2. Án phí phúc thẩm: Hoàn trả ông Nguyễn Minh S tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng

án phí, lệ phí Tòa án số 0005719 ngày 06/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

5. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

6.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND T.Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- UBND xã Thạnh Phú, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trung Hưng